ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Số: 2093/QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 09 tháng 6 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt kế hoạch hoạt động năm 2015 Dự án "Phòng, chống bệnh truyền nhiễm khu vực tiểu vùng sông Mê Kông, giai đoạn II" do Ngân hàng Phát triển Châu Á tài trợ (ADB)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và thông tư hướng dẫn;

Căn cứ Thông tư số 218/2013/TT-BYT ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA và vay ưu đãi nước ngoài tài trợ;

Căn cứ Công văn số 1355/TTg-QHQT ngày 04/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục dự án "Phòng chống bệnh truyền nhiễm khu vực tiểu vùng sông Mê Kông giai đoạn II, 2011–2015"; Công văn số 5344/BYT-DP của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc tiếp nhận Dự án "Phòng chống bệnh truyền nhiễm khu vực tiểu vùng sông Mê Kông giai đoạn II, 2011 – 2015";

Căn cứ Quyết định số 4673/UBND-VX ngày 01/9/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc tiếp nhận Dự án phòng, chống bệnh truyền nhiễm khu vực tiểu vùng sông Mê Kông - giai đoạn II;

Căn cứ Quyết định số 1638/QĐ-DP ngày 05/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động năm 2015 Dự án Phòng chống BTN khu vực tiểu vùng sông Mê Kông – Giai đoạn II ; Quyết định số 1670/QĐ-BYT ngày 05/5//2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng kinh phí kết dư của Dự án "Phòng chống bệnh truyền nhiễm khu vực tiểu vùng sông Mê Kông – Giai đoạn II" vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý Dự án "Phòng, chống bệnh truyền nhiễm khu vực tiểu vùng sông Mê Kông, giai đoạn II" tỉnh Thanh Hóa tại Tờ trình số 28/TTr-DAMK ngày 16/5/2015 về việc xin phê duyệt Kế hoạch hoạt động của dự án phòng, chống bệnh truyền nhiễm khu vực tiểu vùng sông Mê Kông tỉnh Thanh hóa năm 2015 do Ngân hàng Phát triển Châu Á tài trợ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2015 của Dự án "Phòng chống bệnh truyền nhiễm khu vực tiểu vùng sông Mê Kông - giai đoạn II" tỉnh Thanh Hóa do Ngân hàng Phát triển Châu Á tài trợ với tổng kinh phí là 2.221.999.000 đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ hai trăm hai mươi mốt triệu chín trăm chín mươi chín ngàn đồng chẵn)*. Trong đó: Vốn vay ADB: 1.600.306.000 đồng; Vốn đối ứng của tỉnh: 611.693.000 đồng *(có phụ lục chi tiết kèm theo)*.

Điều 2. Ban Quản lý dự án "Phòng, chống bệnh truyền nhiễm khu vực tiểu vùng sông Mê Kông - giai đoạn II", tỉnh Thanh hóa có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động dự án đúng tiến độ.

Ủy quyền cho Giám đốc Ban Quản lý dự án "Phòng, chống bệnh truyền nhiễm khu vực tiểu vùng sông Mê Kông - giai đoạn II" tỉnh Thanh hóa chịu trách nhiệm phê duyệt các kế hoạch hoạt động cụ thể năm 2015 của dự án triển khai tại tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Y tế; Kế hoạch và đầu tư; Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý Dự án "Phòng, chống bệnh truyền nhiễm khu vực tiểu vùng sông Mê Kông - Giai đoạn " tỉnh Thanh hóa và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 QĐ;
- Ban QLDA TW (để báo cáo);
- Lưu: VT, VX.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Đăng Quyền

PHỤ LỤC: NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH KINH PHÍ DỰ ÁN TIỂU VÙNG SÔNG MÊ KÔNG NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số: 2095/QĐ-UBND ngày 29/6/2015 về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động của Dự án phòng, chống STN khu vực biên vùng sông Mê Kông tỉnh Thanh Hóa năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính : 1.000 đồng

TT	Năm hoạt động	Mã hoạt động	Nội dung hoạt động	Kinh phí KH thực hiện 2015		
				TỔNG	ADB	ĐỐI ỨNG
A. Kế hoạch kinh phí thực hiện năm 2015				**2,003,112**	**1,468,531**	**534,581**
			Trả tiền công cho người lao động	**337,710**	-	**337,710**
1	3.1.1.8	264	Phụ cấp, lương cho cán bộ kiêm nhiệm, cán bộ hợp đồng PPMU	311,960	-	311,960
2	3.1.1.8	265	Cán bộ hợp đồng của PPMU	25,750	-	25,750
			Cộng nhóm chi về thanh toán dịch vụ	**16,630**	-	**16,630**
			Vật tư văn phòng	16,630	-	16,630
3	1.2.1.2	90	Văn phòng phẩm	16,630	-	16,630
			Hội thảo, Hội nghị, tập huấn	**302,373**	**302,373**	-
4	1.2.1.5	53	Tập huấn cho cán bộ tuyến huyện về giám sát, đáp ứng chống dịch	17,166	17,166	-
5	1.2.1.5	54	Tập huấn cho cán bộ tuyến xã và cộng tác viên về giám sát, đáp ứng chống dịch	81,621	81,621	-
6	1.2.1.5	91	Đào tạo cho cán bộ tuyến xã về công tác giám sát, báo cáo bệnh truyền nhiễm	58,139	58,139	-
7	1.2.2.9	105	Tập huấn về giám sát véc tơ truyền bệnh sốt xuất huyết	22,046	22,046	-
8	2.1.2.9	143;144	Hội thảo liên ngành về phối hợp hoạt động tại cửa khẩu	32,858	32,858	-
9	2.1.2.9	145	Các cuộc họp hàng quý/năm tại các cửa khẩu của các tỉnh biên giới nhằm chia sẻ thông tin về bệnh truyền nhiễm	32,187	32,187	-
10	2.1.1.5	151	Họp liên ngành phòng chống sự xâm nhập của các bệnh truyền nhiễm qua biên giới và hành lang kinh tế.	14,045	14,045	-
11	2.1.1.6	154	Hội thảo triển khai kế hoạch phòng chống bệnh truyền nhiễm tuyến tỉnh, hu	12,875	12,875	-
12	2.1.1.6	199, 200	Họp nhóm giảng viên tuyến tỉnh, huyện	13,519	13,519	-
13	2.1.1.6	201	Họp hàng năm về lập kế hoạch phát triển nguồn nhân lực tại tỉnh	3,433	3,433	-
14	3.1.1.8	271	Họp về điều phối và kế hoạch tuyến tỉnh	5,901	5,901	-
15	3.1.2.8	273	Họp Ban chỉ đạo tuyến tỉnh	8,583	8,583	-
			Công tác phí, xăng xe	**54,999**	**54,999**	-
16	3.1.1.8	272	PPMU giám sát tuyến huyện	54,999	54,999	-
			Chi thường xuyên TSCĐ; Xăng xe	**55,719**	-	**55,719**
17	1.2.2.9	44, 46, 49	Chi phí xăng xe, sửa chữa, bảo dưỡng cho tuyến tỉnh, huyện	47,379		47,379
18	1.2.2.9	92	Duy tu, bảo dưỡng thiết bị phục vụ công tác giám sát, báo cáo bệnh truyền nhiễm	8,340		8,340
			Chi phí phục vụ chuyên môn	**1,235,681**	**1,111,159**	**124,522**
19	1.1.2.9	11	Hỗ trợ hoạt động thu thập, phân tích, phản hồi thông tin báo cáo bệnh truyền nhiễm tại các đầu mối tỉnh	10,729	10,729	-
20	1.1.2.9	12	Hỗ trợ họp thường kỳ trao đổi thông tin, hợp tác phòng chống bệnh truyền nhiễm giữa các tỉnh có chung biên giới	32,187	32,187	-
21	1.2.1.4	37	Giám sát, đánh giá thực hiện dự án	21,458	21,458	-
22	1.2.2.9	41	Hỗ trợ cho các hoạt động chống dịch khẩn cấp tại tuyến tỉnh	69,739	69,739	-
23	1.2.2.9	42	Hỗ trợ cho các hoạt động chống dịch khẩn cấp tại tuyến huyện	105,266	105,266	-
24	1.2.1.5	100	Giám sát muỗi, bọ gậy	17,637	-	17,637
25	1.3.2.9	107, 109	Hỗ trợ cộng đồng địa phương vệ sinh môi trường, truyền thông huy động cộng đồng phòng chống sốt xuất huyết	26,808	26,808	-
26	1.3.2.9	106, 108	Hỗ trợ đào tạo về phòng chống sốt xuất huyết cho giáo viên các trường phổ thông	17,637	17,637	-
27	1.3.1.6	125	Khảo sát đánh giá hiệu quả hoạt động tập huấn tại các Ban quản lý dự án tỉnh	10,729	10,729	-
28	1.3.1.6	133	Đánh giá việc triển khai nhiệm vụ của các ban, ngành	10,729	10,729	-
29	2.1.1.4.	135	Khảo sát đánh giá về nhận thức của người dân về công tác phòng chống bệnh truyền nhiễm	10,729	10,729	-
30	2.1.2.6	139	Tổ chức triển khai kế hoạch phòng chống bệnh truyền nhiễm dựa vào cộng đồng	29,505	29,505	-
31	2.1.2.9	140	Truyền thông nâng cao nhận thức của người dân chủ động phòng chống bệnh truyền nhiễm	6,809	6,809	-
32	2.1.1.5	141	Báo cáo và phản hồi	6,809	6,809	-
33	2.1.1.5	149	Hỗ trợ lồng ghép hoạt động cộng đồng vì sức khỏe với các hoạt động phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương: tổ chức chiến dịch rửa tay xà phòng, vệ sinh môi trường phòng chống dịch bệnh	95,742	95,742	-
34	2.1.2.9	155	Mua túi cứu thương	138,942	138,942	-
35	2.1.2.9	156	Xây dựng và in ấn tài liệu truyền thông	112,767	112,767	-

TT	Năm hoạt động	Mã hoạt động	Nội dung hoạt động	Kinh phí KH thực hiện 2015		
				TỔNG	ADB	ĐỐI ỨNG
36	2.1.1.2	158	Tổ chức truyền thông	180,809	180,809	-
37	2.1.1.2	159	Tổ chức tẩy giun	108,148	108,148	-
38	2.1.1.2	171	Đánh giá nhận thức của cộng đồng về công tác phòng bệnh truyền nhiễm	9,656	9,656	-
39	2.1.1.2	172	Hỗ trợ truyền thông nâng cao nhận thức của cộng đồng tại các quận, huyện mục tiêu triển khai hoạt động cộng đồng vì sức khỏe	9,656	9,656	-
40	2.1.1.6	173	Họp hàng Quý để đánh giá, giám sát các hoạt động của cộng đồng tại tuyến huyện. Tổ chức các Hội thảo với cơ quan báo chí về truyền thông phòng chống bệnh truyền nhiễm tại trung ương	9,656	9,656	-
41	2.1.1.6	182	Hỗ trợ thực hiện chiến lược tham gia của cộng đồng	11,704	11,704	-
42	2.1.2.9	183	Họp dân hàng quý phổ biến tình hình bệnh truyền nhiễm trong cộng đồng	2,341	2,341	-
43	2.1.1.6	186	Họp đánh giá việc triển khai kế hoạch phát triển nhân lực về giới và dân tộc thiểu số	5,150	5,150	-
44	2.1.1.6	228	Giám sát đánh giá của tuyến tỉnh đối với tuyến huyện	21,458	21,458	-
45	2.1.2.9	229	Giám sát đánh giá của tuyến huyện đối với tuyến xã	20,426	20,426	-
46	3.1.1.8	267	Chi phí hoạt động cho PPMU bao gồm cả xăng xe	25,570	25,570	-
47	3.1.2.8	274	Hỗ trợ các huyện Dự án	106,885	-	106,885
B. Kinh phí kết dư 2013; 2014 chuyển thực hiện năm 2015				**208,887**	**131,775**	**77,112**
			Lồng ghép quản lý Dự án	**145,131**	**89,775**	**55,356**
48	1.2.1.9	309	Phụ cấp, lương kiêm nhiệm cho cán bộ PPMU và các hoạt động quản lý	55,356	-	55,356
49	1.2.2.9	310	Chi phí hoạt động của PPMU bao gồm cả xăng xe	89,775	89,775	
			Tăng cường hệ thống phòng, chống bệnh truyền nhiễm	**63,756**	**42,000**	**21,756**
50	1.2.2.9	297	Mua hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm, vật tư tiêu hao phục vụ công tác phòng chống bệnh truyền nhiễm tại tuyến tỉnh	42,000	42,000	-
51	1.2.1.5	307	Sửa chữa trang thiết bị xét nghiệm đảm bảo an toàn sinh học	21,756		21,756
TỔNG CỘNG (A+B):				**2,231,999**	**1,600,306**	**611,693**

Bằng chữ: Hai tỷ hai trăm mười một triệu chín trăm chín mươi chín ngàn đồng.

Ghi chú: USD tạm tính thời giá hiện tại: 1 USD = 21,000 VNĐ